

Bản án số:106/2019/KDTM-PT.
Ngày 19/9/2019.
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và ông Hoàng Minh Thành.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Đỗ Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19/09/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 103/2019/KTPT ngày 15/8/2019 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2019/QĐXX-PT ngày 04/9/2019, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng NN**

Trụ sở: số LH, phường TC, quận BD, TP H; Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh NK- Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Hồng H (theo Giấy ủy quyền số 1895/UQ ngày 20/8/2019) (bà H có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thu Huyền- Đoàn Luật sư TP Hồ Chí Minh (bà Huyền có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN**

Trụ sở: số ngõ 7 phố TT, phường NTS, quận DD, TP H; Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Thanh D- Tổng giám đốc (ông D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng NN trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2009 đến tháng 8/2009, Ngân hàng NN (sau đây gọi là nguyên đơn) đã ký kết 22 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm giấy nhận nợ với Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN (tên cũ là Công ty cổ phần sản xuất và thương mại IHN) (sau đây gọi là bị đơn), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng số 1500LAV200902295 ngày 10/4/2009, số tiền vay giải ngân là 2.238.600.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
2. Hợp đồng số 1500LAV200902301 ngày 10/4/2009, số tiền vay giải ngân là 2.456.064.000 đồng; Lãi suất là 1,06%/1 tháng;
3. Hợp đồng số 1500LAV200902575 ngày 22/4/2009, số tiền vay giải ngân là 2.363.904.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
4. Hợp đồng số 1500LAV200902574 ngày 22/4/2009, số tiền vay giải ngân là 2.205.000.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
5. Hợp đồng số 1500LAV200902624 ngày 23/4/2009, số tiền vay giải ngân là 1.700.000.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
6. Hợp đồng số 1500LAV200902625 ngày 23/4/2009, số tiền vay giải ngân là 2.250.000.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
7. Hợp đồng số 1500LAV200902867 ngày 05/5/2009, số tiền vay giải ngân là 2.337.300.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
8. Hợp đồng số 1500LAV200903521 (1500LAV200902936) ngày 07/05/2009, số tiền vay giải ngân là 2.249.100.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
9. Hợp đồng số 1500LAV200902989 ngày 08/5/2009, số tiền vay giải ngân là 1.000.000.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
10. Hợp đồng số 1500LAV200902990 ngày 08/05/2009, số tiền thực tế giải ngân là 2.209.200.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
11. Hợp đồng số 1500LAV200903162 ngày 15/05/2009, số tiền vay giải ngân là 1.362.278.400 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
12. Hợp đồng số 1500LAV200903174 ngày 15/05/2009, số tiền vay giải ngân là 1.400.000.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
13. Hợp đồng số 1500LAV200903175 ngày 15/05/2009, số tiền vay giải ngân là 895.641.600 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
14. Hợp đồng số 1500LAV200903209 ngày 18/05/2009, số tiền vay giải ngân là 1.846.965.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
15. Hợp đồng số 1500LAV200903894 ngày 19/5/2009, số tiền vay giải ngân là 2.382.336.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;
16. Hợp đồng số 1500LAV200903368 ngày 22/05/2009, số tiền vay giải ngân là 1.341.060.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;

17. Hợp đồng số 1500LAV200903550 ngày 29/05/2009, số tiền vay giải ngân là 1.290.240.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;

18. Hợp đồng số 1500LAV200903551 ngày 29/5/2009, số tiền vay giải ngân là 2.000.000.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;

19. Hợp đồng số 1500LAV200903600 ngày 01/6/2009, số tiền vay giải ngân là 1.517.600.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;

20. Hợp đồng số 1500LAV200904505 ngày 18/05/2009, số tiền vay giải ngân là 2.497.536.000 đồng; Lãi suất là 0,875%/1 tháng;

21. Hợp đồng số 1500LAV20093836(1500LAV20098210) ngày 10/6/2009, số tiền vay giải ngân là 2.480.640.000 đồng; Lãi suất là 0,375%/1 tháng;

22. Hợp đồng số 1500LAV20093837 ngày 10/06/2009, số tiền vay giải ngân là 1.692.979.200 đồng; Lãi suất là 0,375%/1 tháng.

Theo nội dung 22 Hợp đồng tín dụng nêu trên nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn tổng số tiền vay là 41.716.444.200 đồng. Thời hạn vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên với thời hạn từ 60 đến 90 ngày, mục đích vay để thanh toán tiền hàng.

Quá trình thực hiện 22 Hợp đồng tín dụng nêu trên bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 30/5/2017 tổng số tiền nợ gốc là 3.150.315.000 đồng, lãi trong hạn 1.674.997.115 đồng và lãi quá hạn 16.571.733 đồng. Tổng cả gốc và lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 4.841.883.848 đồng. Sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn không thanh toán. Ngày 16/02/2017, giữa nguyên đơn và bị đơn có văn bản xác nhận công nợ tiền vay.

Nguyên đơn xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc của 22 Hợp đồng nêu trên là 38.566.129.200 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 22/5/2019 là 20.771.888.759 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 59.338.017.959 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên cùng lãi suất phát sinh kể từ ngày sau khi kết thúc phiên tòa cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc.

Bị đơn do ông Đỗ Thanh Dương đại diện trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký kết 22 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm giấy nhận nợ với nguyên đơn, thời hạn vay, mục đích vay và lãi suất được thể hiện tại 22 Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 41.716.444.200 đồng theo 22 Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ, bị đơn đã nhận đủ số tiền trên. Quá trình thực hiện 22 Hợp đồng nêu trên bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 30/5/2017 tổng số tiền nợ gốc là 3.150.315.000 đồng, lãi trong hạn là 1.674.997.115 đồng và lãi quá hạn là 16.571.733 đồng. Tổng cả gốc và lãi bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 4.841.883.848 đồng.

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc của 22 Hợp đồng nêu trên là 38.566.129.200 đồng. Về lãi, bị đơn xác nhận nguyên đơn đã tính mức lãi thấp hơn so với thỏa thuận ban đầu trong hợp đồng, còn việc nguyên đơn áp dụng mức lãi đúng theo quy định của pháp luật chưa thì bị đơn không biết và không có ý kiến. Do hiện nay bị đơn không có khả năng thanh toán nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bảng tính lãi bổ sung tính đến ngày 22/5/2019 mà nguyên đơn xuất trình cho Tòa án, bị đơn đã được đọc, hiện nay bị đơn đang trong tình trạng chờ phá sản nên không có khả năng thanh toán nợ vì vậy đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM- ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.
- Xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi theo 22 Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ với số tiền là 59.338.017.959 đồng.
- Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi là 59.338.017.959 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, bị đơn làm đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM- ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền lãi trong Bản án sơ thẩm đã tuyên là không phù hợp và xem xét kết luận 22 Hợp đồng tín dụng vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện của bị đơn có kháng cáo trình bày: bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm Quy chế cho vay trong các Tổ chức tín dụng khi ký kết 22 Hợp đồng tín dụng với bị đơn mà không kiểm tra kỹ tình hình tài chính của bên vay; Bên vay không có tài sản thế chấp nhưng Ngân hàng đã ký kết liên tục 22 Hợp đồng tín dụng trong một khoảng thời gian rất ngắn (2 tháng); Không kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay dẫn đến việc bên vay đã sử dụng tiền không đúng với hồ sơ xin vay vốn, dẫn tới thất thoát vốn và lâm vào tình trạng phá sản như hiện nay.

Vì nguyên đơn đã vi phạm Quy chế cho vay trong các Tổ chức tín dụng nên các Hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu, bị đơn đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét không buộc bị đơn phải chịu lãi suất do các Hợp đồng vô hiệu.

Đại diện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn ký kết các Hợp đồng tín dụng cho bị đơn dựa trên các hợp đồng mua bán hàng hóa mà bị đơn ký kết với các đối tác. Nguyên đơn đã ký kết nhiều Hợp đồng tín dụng cho bị đơn vay tiền trước đây nhưng đều đã tất toán, nguyên đơn căn cứ vào các báo cáo tài chính của bị đơn và thấy công việc làm ăn của bị đơn tốt nên tiếp tục cho bị đơn vay tiền mà không cần tài sản thế chấp. Việc cho vay mà

không cần tài sản thế chấp và kiểm soát việc sử dụng dòng tiền vay là quyền tự chủ của các tổ chức tín dụng chứ không phải nghĩa vụ bắt buộc, do vậy việc bị đơn cho rằng 22 Hợp đồng tín dụng vô hiệu là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn: bị đơn cho rằng nguyên đơn đã vi phạm Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng, cho vay mà không có tài sản thế chấp và nguyên đơn không kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn của bị đơn, dẫn đến việc bị đơn sử dụng tiền sai mục đích và gây thất thoát nên các Hợp đồng tín dụng bị vô hiệu và bị đơn không phải chịu lãi. Kháng cáo của bị đơn nêu ra tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy: bị đơn kháng cáo cho rằng các Hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu do nguyên đơn đã vi phạm Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng, cho vay mà không có tài sản thế chấp và nguyên đơn không kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn của bị đơn, dẫn đến việc bị đơn sử dụng tiền sai mục đích và gây thất thoát tài sản cho bị đơn và đề nghị xem xét lại về số tiền lãi trong Bản án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết 22 Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, không bên nào bị cưỡng ép hay lừa dối. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, do đó các Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành. Bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng là không có tài sản thế chấp, không kiểm tra việc sử dụng vốn

nhưng không chỉ ra được các quy định cụ thể nào nên không có cơ sở để chấp nhận là các Hợp đồng tín dụng vô hiệu và bị đơn không phải chịu lãi.

Quy định nội bộ của nguyên đơn có hiệu lực vào thời điểm ký kết 22 Hợp đồng tín dụng chỉ hạn chế việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với một số nhóm đối tượng khách hàng xác định. Nguyên đơn đánh giá bị đơn không thuộc nhóm đối tượng khách hàng này nên việc cho bị đơn vay tiền không có tài sản bảo đảm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của nguyên đơn.

Bị đơn có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích, việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng là quyền của bên cho vay. Do đó, việc thực hiện quyền này của nguyên đơn không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện các nghĩa vụ của bị đơn đối với 22 Hợp đồng tín dụng kèm các giấy nhận nợ mà hai bên đã ký kết.

Xét các yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu về lãi suất tại thời điểm hai bên ký kết các Hợp đồng tín dụng và bản giải trình chi tiết về cách tính lãi, thời điểm tính lãi và số tiền lãi trong hạn và quá hạn của 22 Hợp đồng tín dụng kèm các giấy nhận nợ, tính từ ngày 10/4/2009 đến ngày 22/5/2019 với tổng số tiền là 21.680.485.802 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn một phần lãi quá hạn là 908.597.043 đồng. Còn nợ lại là 20.771.888.759 đồng. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định lãi suất của trên 03 tháng đầu là 10,5%/ 1 năm và các tháng tiếp theo cho đến ngày 22/5/2019 là 5,27%/ năm. Tại Điều 2 các Hợp đồng tín dụng, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 0,875%/1 tháng tại thời điểm ký kết Hợp đồng, trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh theo lãi suất thị trường và thỏa thuận của hai bên bằng Phụ lục hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên Hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc chậm trả. Như vậy, cách tính lãi chậm trả của nguyên đơn thấp hơn so với thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán- Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/5/2019 là 20.771.888.759 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hơn nữa, theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, tại cấp sơ thẩm bị đơn đã có ý kiến đối với bảng tính lãi bổ sung tính đến ngày 22/5/2019 mà nguyên đơn xuất trình cho Tòa án, bị đơn đã được đọc, hiện nay bị đơn đang trong tình trạng chờ phá sản nên không có khả năng thanh toán nợ vì vậy đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn. Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn tính lãi chưa phù hợp nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về lãi suất của bị đơn, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về nội dung này.

Bị đơn xác nhận đã ký 22 Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ với nguyên đơn và đã nhận đủ số tiền 41.716.444.200 đồng do nguyên đơn giải ngân, bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ về tiền gốc và tiền lãi, cụ thể bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 30/5/2017 tổng số tiền nợ gốc là 3.150.315.000 đồng. Lãi trong hạn là 1.674.997.115 đồng, lãi quá hạn là 16.571.733 đồng. Tổng cả gốc và lãi bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 4.841.883.848 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã xác định giá trị pháp lý của 22 Hợp đồng tín dụng kèm các giấy nhận nợ được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu 22 Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ là không có căn cứ để chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí: do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 và Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các điều 471, 473 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN đối với Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN.

3. Buộc Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN phải thanh toán trả cho Ngân hàng NN tổng số tiền nợ gốc và lãi theo 22 Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ là 59.338.017.959 (năm mươi chín tỷ ba trăm ba mươi tám triệu không trăm mười bảy nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó nợ gốc là 38.566.129.200 (ba mươi tám tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn hai trăm) đồng và nợ lãi là 20.771.888.759 (hai mươi tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Về án phí: Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 167.338.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng và 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, xác nhận Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ tổng hợp TN đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 08737 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Hoàn trả Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 73.900.000 (bảy mươi ba triệu chín trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008049 ngày 11/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành